

Số: 45/2025/QĐST-HNGĐ

G, ngày 07 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH B

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 45/2025/TLST-VDS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1980; Địa chỉ: 579, ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 579, ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị U kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh B nên quan hệ hôn nhân của ông H, bà U là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, ông bà đã sống ly thân và bỏ mặc nhau không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị U có 02 con chung là Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 19/01/2003 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 25/02/2007. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị U trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng lệ phí Tòa án. Do ông bà thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng nên Tòa án ghi nhận và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị U thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị U có 02 con chung là Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 19/01/2003 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 25/02/2007. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị U trình bày không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

- Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị U mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông H, bà U đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010590 ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B. Ông H, bà U đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện G;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện G;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền